

Bản án số: 14/2024/HS-ST

Ngày: 02/02/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H - TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thẩm phán** - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhan.
- **Thư ký phiên tòa**: Bà Trần Thu Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa**: Ông Nguyễn Thành Long - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự thụ lý số 212/2023/HSST ngày 29/12/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/HSST-QĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024, Thông báo hoãn phiên tòa ngày 15/01/2024, ngày 30/01/2024, Thông báo mở lại phiên tòa ngày 31/01/2024 đối với các bị cáo:

1. Lê Đức A, sinh năm 1992; ĐKKHKT và chỗ ở: Số 44 A1, phường A2, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Lê Văn K, con bà Lưu Thị K1; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ là Phạm Thị Ngọc K3, sinh năm 1998; Có 02 con, con lớn sinh năm 2022, con nhỏ sinh năm 2023; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/11/2023 đến ngày 13/11/2023 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Đinh Liên B, sinh năm 1961; ĐKKHKT và chỗ ở: số 43B B1, phường B2, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 07/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Đinh Liên B3 và bà Đinh Thị B4; Gia đình có 04 anh em. Bị cáo là con thứ hai; Vợ là Lê Thị Minh B5, sinh năm 1962; Có 02 con, con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 1991; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang thực hiện biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Cao C, sinh năm 1987; ĐKKHKT và chỗ ở: Số 20 C1, phường C2, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 07/12, Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Phi C3 và bà Nguyễn Thị C4; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/11/2023 đến ngày 13/11/2023 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Đức D, sinh năm 1964; ĐKHKT và chỗ ở: Số 36 D1, phường C2, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 04/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Đức D3 và bà Nguyễn Thị D4; Gia đình có 07 anh em. Bị cáo là con thứ năm; Vợ là Nguyễn Thị D5, sinh năm 1970; Có 02 con, con lớn sinh năm 1994; Con nhỏ sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

+ Bản án số 108/1997/HSPT ngày 08/9/1997, TAND tỉnh Hải Dương xử phạt 27 tháng tù về tội Đánh bạc (chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/02/1999, nộp án phí ngày 18/01/2007).

+ Bản án số 60/2007/HSST ngày 20/3/2007, TAND quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xử phạt 36 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/8/2009, nộp án phí ngày 14/7/2008).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/11/2023 đến 13/11/2023 tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố H đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Thanh T, sinh năm 1977; ĐKHKT và chỗ ở: Số 65 T1, phường T2, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 07/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn T3 và bà Nguyễn Thị 4; Vợ là Vũ Thị Hương T5, sinh năm 1980; Có 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 03 ngày 14/5/2002, Công an thành phố H xử phạt bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc (nộp phạt ngày 14/3/2002).

+ Bản án số 187/2013/HSST ngày 05/12/2013, TAND thành phố H xử phạt 27 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/9/2015, nộp án phí ngày 05/12/2013).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/11/2023 đến 13/11/2023 tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Văn E, sinh năm 1976; ĐKHKT và chỗ ở: Số 38/91 E1, phường E2, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 08/12, Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn E3 và bà Nguyễn Thị E4; Gia đình có 05 anh em. Bị cáo là con thứ năm; Vợ là Nguyễn Thị E5, sinh năm 1976; Có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 28 ngày 21/10/2001, Công an thành phố H xử phạt bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc (nộp phạt ngày 21/10/2001); Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện buộc số 15/2019/QĐ-TA ngày 28/5/2019 (chấp hành xong quyết định ngày 16/9/2021).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/11/2023 đến 13/11/2023 tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Đức A, Nguyễn Cao C, Nguyễn Đức D, Nguyễn Văn E, Nguyễn Thanh T có mối quan hệ quen biết nhau từ trước. Khoảng 19 giờ 30 phút cả nhóm đến quán bia Phương Béo của Đinh Liên B ở số 02 Bùi Thị Xuân, phường T2, thành phố H uống bia. Trong quá trình ngồi uống bia thì các bị cáo rủ nhau đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh chắn, lẻ bằng cách sử dụng chiếc điện thoại Iphone XS Max của A làm dụng cụ đánh bạc, do A bấm chạy giờ, sau đó bấm dừng và lấy số cuối của phần trăm giây làm mốc cược chắn (0, 2, 4, 6, 8) và lẻ (1, 3, 5, 7, 9) với tỉ lệ đặt cược mức thấp nhất là 50.000đ, cao nhất tùy từng người chơi đặt cược với A. Những người chơi còn lại sẽ chọn số chắn hoặc số lẻ theo dự đoán về số cuối cùng của đồng hồ khi được nhấn phím “dừng”. Sau khi người chơi đặt cược xong thì A sẽ ấn dừng đồng hồ để xác định số chắn, số lẻ. Nếu dừng lại số chắn thì người đặt tiền bên chắn thắng, A sẽ trả tiền cho họ và người đặt tiền bên số lẻ thua, A sẽ thu tiền của họ.

Quá trình chơi Lê Đức A có 310.000 đồng sử dụng để đánh bạc, khi bị bắt có số tiền 2.410.000 đồng (thắng 2.100.000đ); Nguyễn Đức D có 1.450.000 đồng sử dụng để đánh bạc, khi bị bắt có số tiền 1.300.000 đồng (thua 150.000đ); Nguyễn Văn E có 400.000 đồng sử dụng để đánh bạc, khi bị bắt có số tiền 1.000.000 đồng (thắng 600.000đ); Nguyễn Cao C có 800.000 đồng để sử dụng đánh bạc, khi bị bắt có số tiền 1.000.000 đồng (thắng 200.000đ). Nguyễn Thanh T có 200.000 đồng sử dụng để đánh bạc và bị thua hết.

Tất cả cùng đánh bạc đến khoảng 20 giờ 15 phút cùng ngày thì bị tổ công tác Đội cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an thành phố H phát hiện bắt quả tang; thu giữ 01 chiếc điện thoại di động Iphone XS Max màu vàng số IMEI: 357278095768900 và số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 5.710.000 đồng; ngoài ra còn thu giữ trong người của Nguyễn Cao C số tiền 2.200.000 đồng, của Nguyễn Đức D số tiền 920.000 đồng, của Nguyễn Văn E số tiền 290.000 đồng, của Nguyễn Thanh T số tiền 510.000 đồng là số tiền các bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc.

Về vật chứng: Đối với 01 chiếc điện thoại di động Iphone XS Max màu vàng số IMEI: 357278095768900 thu giữ của Lê Đức A và số tiền 9.630.000 đồng, trong đó có 5.710.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc và 3.920.000 đồng không sử dụng vào việc đánh bạc hiện đang được quản tại kho vật chứng Chi cục E hành án dân sự thành phố H.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 01/QĐ-VKSTPHD, ngày 26/12/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố các bị cáo Lê Đức A, Đinh Liên B, Nguyễn Cao C, Nguyễn Đức D, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn E về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Tòa án:

- *Về tội danh:* Các bị cáo Lê Đức A, Nguyễn Đức D, Nguyễn Cao C, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn E, Đinh Liên B phạm tội Đánh bạc.

- *Hình phạt chính:*

+ Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 BLHS xử phạt các bị cáo Lê Đức A, Nguyễn Cao C từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ; khấu trừ từ 05% đến 10% thu nhập; được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04/11/2023 đến ngày 13/11/2023 (bằng 27 ngày); bị cáo còn phải chấp hành từ 11 tháng 03 ngày đến 14 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ; giao bị cáo A cho UBND phường A2, bị cáo C cho UBND phường C2, thành phố H, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

+ Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s (với cả hai bị cáo), điểm i (đối với bị cáo E), điểm t (đối với bị cáo D) khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Văn E từ 03 tháng đến 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 04/11/2023.

+ Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ 06 tháng đến 09 tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 04/11/2023.

+ Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1, khoản 3 Điều 35 BLHS xử phạt bị cáo Đinh Liên B từ 20 triệu đến 30 triệu đồng.

- *Về hình phạt bổ sung:* Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35 BLHS phạt bổ sung các bị cáo Lê Đức A, Nguyễn Đức D, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn E, Nguyễn Cao C mỗi bị cáo 10 triệu đồng.

- *Về xử lý vật chứng:* Đề nghị áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động Iphone XS Max màu vàng số IMEI: 357278095768900 và số tiền 5.710.000 đồng;

+ Trả lại bị cáo C số tiền 2.200.000 đồng, bị cáo D số tiền 920.000 đồng, bị cáo E số tiền 290.000 đồng, bị cáo T số tiền 510.000 đồng.

- *Về án phí:* Căn cứ điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí số 97/2015; Nghị quyết số 326/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Lê Đức A, Nguyễn Đức D, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn E, Nguyễn Cao C phải chịu án phí HSST. Bị cáo Đinh Liên B là người cao tuổi nên được miễn án phí HSST.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, rất ân hận về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Tòa án xét xử các bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình

điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ chứng minh hành vi phạm tội: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 04/11/2023, tại số 2A Bùi Thị Xuân, phường T2, thành phố H, tỉnh Hải Dương, Đinh Liên B sử dụng địa điểm do mình quản lý cho Lê Đức A, Nguyễn Cao C, Nguyễn Văn E, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Đức D đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi chắn lẻ bằng cách bấm giờ trên điện thoại di động. Các bị cáo đánh bạc đến 20 giờ 15 phút cùng ngày thì Công an thành phố H phát hiện bắt quả tang thu giữ 01 điện thoại di động Iphone XS Max và tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 5.710.000đ. Trong đó A sử dụng 310.000đ (khi bị bắt có 2.410.000đ), C có 800.000đ (khi bị bắt có 1.000.000đ), D có 1.450.000đ (khi bị bắt có 1.300.000đ), E có 400.000đ (khi bị bắt 1.000.000đ), T có 200.000đ. Ngoài ra cơ quan còn thu giữ số tiền 3.920.000đ trong người bị cáo C 2.200.000đ, D 920.000đ, E 290.000đ, T 510.000đ, các bị cáo xác định không sử dụng vào việc đánh bạc.

Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm vào trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được đánh bạc được thua bằng tiền là một tệ nạn xã hội thường dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng khác nhưng vì mục đích vụ lợi và ý thức coi thường pháp luật các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về tính chất đồng phạm, vị trí vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Các bị cáo đánh bạc là bột phát, không có sự chuẩn bị từ trước và thời gian đánh bạc ngắn. Trong vụ án này, bị cáo A trực tiếp sử dụng điện thoại của mình làm công cụ thực hiện hành vi đánh bạc, sử dụng số tiền nhiều hơn các bị cáo khác; Bị cáo D sử dụng số tiền nhiều thứ hai, tiếp đó đến C, E sau cùng là bị cáo T. B không trực tiếp đánh bạc nhưng biết các bị cáo sử dụng địa điểm do mình quản lý để thực hiện việc đánh bạc nhưng không ngăn cản nên giữ vai trò giúp sức cho các bị cáo đánh bạc.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo D, T đều đã bị kết án nhưng đều đã được xóa án tích nên các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm. Bị cáo T, E đã bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng đều đã được xóa nên không xác định là tiền sự đối với các bị cáo. Các bị cáo A, C, B chưa có tiền án, tiền sự. Trong vụ án này mặc dù số tiền các bị cáo bỏ ra ban đầu 3.160.000đ và số tiền thu giữ được khi bị bắt xác định là tiền đã dùng vào việc đánh bạc 5.710.000đ là có sự mâu thuẫn, tuy nhiên do các bị cáo đều xác định quá trình chơi có một số khách đến uống bia có vào đặt cược nhưng đều không xác định được là ai vì vậy không thể làm rõ được nên các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều

51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo A, C, B, E đều phạm tội lần đầu và thuộc B hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo D đã cung cấp thông tin tội phạm cho công an phường Tân Hưng, thành phố H về việc có đối tượng tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, Công an đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can theo quy định do vậy bị cáo D được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo D, T có bố đẻ và bị cáo E có mẹ đẻ được tặng thưởng huân chương kháng chiến nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Cân nhắc tính chất hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tòa án thấy cần áp dụng một hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo D, T, E theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt biết tôn trọng, chấp hành pháp luật và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên bị cáo D, E có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo D, E.

Bị cáo A, C được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần Eết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà để các bị cáo cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo thành công dân tốt và thể hiện sự nhân đạo của pháp luật là phù hợp quy định tại Điều 36 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo B cần căn cứ vào quy định tại khoản 1, 3 Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo thành công dân tốt, biết tôn trọng và chấp hành pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo A, C, D, E, T cần Eết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự. Bị cáo B bị xử phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 32 BLHS.

[5] Về vật chứng và biện pháp tư pháp: Đối với 01 điện thoại di động Iphone XS Max của A là công cụ dùng vào việc phạm tội, số tiền 5.710.000 đồng dùng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Số tiền thu giữ của C 2.200.000đ, D 920.000đ, E 290.000đ, T 510.000đ không sử dụng vào việc phạm tội cần trả lại cho các bị cáo.

[6] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo B là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Về vấn đề khác: Đối với một số người tham gia đánh bạc cùng các bị cáo nhưng quá trình điều tra không làm rõ được tên, tuổi, địa chỉ, nên không có căn cứ xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo; Điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Đức A, Nguyễn Cao C; Điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1, khoản 3 Điều 35 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đinh Liên B; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38, Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức D; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thanh T; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38, Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn E; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Đức A, Đinh Liên B, Nguyễn Cao C, Nguyễn Đức D, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn E phạm tội "Đánh bạc".

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Lê Đức A 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ trừ 09 ngày tạm giữ (từ ngày 04/11/2023 đến ngày 13/11/2023, quy đổi 09 ngày tạm giữ bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 5% thu nhập của bị cáo A trong thời gian cải tạo không giam giữ sung quỹ Nhà nước. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định E hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê Đức A cho UBND phường A2, thành phố H, tỉnh Hải Dương nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Cao C 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ trừ 09 ngày tạm giữ (từ ngày 04/11/2023 đến ngày 13/11/2023 quy đổi 09 ngày tạm giữ bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành 09 (chín) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 5% thu nhập của bị cáo C trong thời gian cải tạo không giam giữ sung quỹ Nhà nước. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định E hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Cao C cho UBND phường C2, thành phố H, tỉnh Hải Dương nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2.3. Xử phạt bị cáo Đinh Liên B 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

2.4. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 06 (sáu) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 04/11/2023).

2.5. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức D 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 04/11/2023).

2.6. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn E 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 04/11/2023).

3. Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo A, C, D, E, T mỗi bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Iphone XS Max màu vàng, số imei 357278095768900 của bị cáo A; Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 5.710.000đ (Năm triệu bảy trăm mười nghìn đồng); Trả lại bị cáo C 2.200.000đ, trả lại bị cáo D 920.000đ, trả lại bị cáo E 290.000đ, trả lại bị cáo T 510.000đ (*Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thành phố H và Chi cục E hành án dân sự thành phố H ngày 18/01/2024*).

5. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Đức A, Nguyễn Cao C, Nguyễn Đức D, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn E mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đinh Liên B.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Lê Đức A, Đinh Liên B, Nguyễn Cao C, Nguyễn Đức D, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn E có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND thành phố H;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT- Công an TP Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Nhà tạm giữ Công an TP Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan HSNV Công an TP Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhan

